

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO PH  
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ.

Ngày: 19/5/2020

(V/v Tranh chấp ly hôn)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Mạnh và bà Lê Thị Thanh Thủy

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Ph tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Mai Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX- ST ngày 17 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐ- TA ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D; sinh năm 1985 (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn B; sinh năm 1985 (Vắng mặt không có lý do)

Cùng cư trú tại: Xóm Nà B, xã Dũng Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị D trình bày:

Chị và anh Bùi Văn B đăng ký kết hôn ngày 09/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Dũng Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm Nà B, xã Dũng Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B hay rượu chè, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, có hành vi chửi và đánh đập chị D. Nên chị đã phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2011 và hai vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn tình cảm vợ chồng nên chị D làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị D, anh B có một con chung cháu Bùi Thị Thúy H, sinh ngày 02/12/2009. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn nguyện vọng của chị D muốn được

nuôi con vì hiện nay cháu H vẫn đang sống cùng chị, sức khỏe và học tập tốt, chị D chưa yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với anh Bùi Văn B, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản theo đúng quy định của pháp luật nhưng B đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và đã hoàn thiện các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Ph tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ và chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D được ly hôn với anh Bùi Văn B.

Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Thúy H, sinh ngày 02/12/2009. Chị D chưa yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung; Công nợ chung: Không có và không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Bùi Văn B; cư trú tại: Xóm Nà B, xã Dũng Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Ph theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Bùi Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D và anh Bùi Văn B không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dũng Ph, huyện Cao Ph, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, chị D và anh B được công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị D và anh B chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn, sau thời gian đó liên tục phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, nguyên nhân theo chị D khai anh B hay rượu chè, cờ bạc về chửi và đánh đập chị nên chị D đã phải bỏ về bên ngoại sống từ năm 2011 và hai vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa chị D xác nhận tình cảm vợ chồng không còn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình cũng cho thấy hai vợ chồng chị D và anh B đã sống ly thân mỗi người một nơi, bố, mẹ anh B cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh B không còn và cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D và anh B được ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống. Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D.

[3] Về con chung: Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2020 chị Bùi Thị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung cháu Bùi Thị Thúy H, sinh ngày 02/12/2009 và chưa yêu cầu anh Bùi Văn B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án đến nay anh B đều vắng mặt, không ghi nhận được ý kiến gì. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 02/3/2020 của cháu H, cháu H có nguyện vọng muốn ở với chị D. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D; giao cháu Bùi Thị Thúy H, sinh ngày 02/12/2009 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị D chưa yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, Công nợ chung: Chị D xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 và Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị D

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị D được ly hôn với anh Bùi Văn B.

1.2 Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Thị Thúy H, sinh ngày 02/12/2009 cho đến khi cháu H trưởng thành. Chị D chưa yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung; Công nợ chung chị Bùi Thị D khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình theo biên lai thu tiền số 0000976 ngày 17 tháng 02 năm 2020.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Hòa Bình

-VKSND tỉnh Hòa Bình

-VKSND huyện Cao Ph

-Chi cục THADS huyện Cao Ph

- UBND xã nơi ĐKKH

-Các đương sự

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Hiền**



---